

(Dự thảo)

TỜ TRÌNH

Dự thảo xây dựng Nghị quyết ban hành quy định mức thu phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ khoản 2, Điều 111 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và khoản 34, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo;

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất việc xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật ban hành quy định mức thu phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

- Căn cứ khoản 16, Chỉ thị số 05/CT-TTg nêu trên, quy định như sau:

“16. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

....

- Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp có chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện. Thời gian hoàn thành trong tháng 6 năm 2023”.

- Tại khoản 1 Điều 22 Luật Phí và lệ phí quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *“Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”.*

Từ các quy định nêu trên, để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia dịch vụ công trực tuyến, nên Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết ban hành quy định mức thu phí, lệ phí, trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích.

Việc ban hành Nghị quyết bảo đảm:

- Nội dung quy định rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện.
- Bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật phí, lệ phí; pháp luật chuyên ngành, quản lý thuế về ngân sách nhà nước.
- Kịp thời thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 nói chung và của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhằm để khuyến khích người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

2.1. Về nội dung

Nghị quyết được quy định cụ thể về mức thu phí, lệ phí của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính khi tham gia dịch vụ công trực tuyến thấp hơn so với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tiếp thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, Nghị quyết chỉ quy định cụ thể những nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; không lặp lại những nội dung các văn bản pháp luật của Trung ương liên quan đã quy định rõ.

2.2. Về hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết phải tuân thủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

A. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, trường hợp miễn, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, gồm có 02 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, chế độ thu, trường hợp miễn, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

3. Về phí, lệ phí.

3.1. Phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khi nộp hồ sơ trực tuyến.

STT	Nội dung thu	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	75.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	25.000
3	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	55.000
4	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	15.000

3.2. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nộp hồ sơ trực tuyến.

STT	Đối tượng nộp phí	Mức thu (đồng/ hồ sơ)
I	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nộp hồ sơ trực tuyến	
1	Đối với hồ sơ cấp giấy chứng nhận lần đầu	
-	Hộ gia đình, cá nhân	290.000
-	Tổ chức	1.225.000
2	Đối với hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận	
2.1	Hộ gia đình, cá nhân	
-	Cấp đổi Giấy chứng nhận.	210.000
-	Cấp lại Giấy chứng nhận.	305.000
2.2	Tổ chức	
-	Cấp đổi Giấy chứng nhận.	355.000
-	Cấp lại Giấy chứng nhận.	475.000
3	Đối với hồ sơ đăng ký biến động đất đai	
3.1	Hộ gia đình, cá nhân	
3.1.1	Trường hợp đăng ký biến động đất đai mà thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	550.000
3.1.2	Trường hợp đăng ký biến động đất đai mà không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận (chỉnh lý)	

-	Thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên một phần thửa đất; Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, nhân thân hoặc địa chỉ; Có thay đổi về những hạn chế quyền của người sử dụng đất; Ghi nợ và xóa nợ về nghĩa vụ tài chính; Chuyển mục đích sử dụng đất; Xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.	260.000
-	Cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất; Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất.	265.000
3.1.3	Chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho; Đăng ký biến động đất đai trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất để thi hành án.	340.000
3.1.4	Gia hạn sử dụng đất (kể cả trường hợp tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân)	310.000
3.2	Tổ chức	
3.2.1	Trường hợp đăng ký biến động đất đai mà thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	1.160.000
3.2.2	Trường hợp đăng ký biến động đất đai mà không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận (chỉnh lý)	
-	Thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên một phần thửa đất; Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, thay đổi thông tin về giấy tờ pháp nhân, nhân thân hoặc địa chỉ; Chuyển từ hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm sang hình thức thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê; từ hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất; từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất; Có thay đổi về những hạn chế quyền của người sử dụng đất; Chuyển mục đích sử dụng đất; Xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.	930.000
-	Cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất (trừ trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp); Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất	930.000

-	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Đăng ký biến động đất đai trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất để thi hành án; Trường hợp chuyển đổi công ty; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; Góp vốn bằng quyền sử dụng đất; Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất.	980.000
-	Gia hạn sử dụng đất.	980.000

3.3. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất khi nộp hồ sơ trực tuyến, mức thu bằng 100% so với mức thu phí trực tiếp.

STT	Nội dung thu	Mức thu
1	Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất)	(đồng/ giấy)
1.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân:	
	- Khu vực thị trấn, các phường	25.000
	- Khu vực còn lại	12.000
1.2	Đối với tổ chức	100.000
2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	(đồng/ giấy)
2.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	- Khu vực thị trấn, các phường	100.000
	- Khu vực còn lại	50.000
2.2	Đối với tổ chức	500.000
3	Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	(đồng/ giấy)
3.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	- Khu vực thị trấn, các phường	75.000
	- Khu vực còn lại	35.000
3.2	Đối với tổ chức	500.000
4	Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận	(đồng/ giấy)
4.1	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất)	
-	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	+ Khu vực thị trấn, các phường	20.000
	+ Khu vực còn lại	10.000
-	Đối với tổ chức	50.000

4.2	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung giấy chứng nhận có chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	
-	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	+ Khu vực thị trấn, các phường	50.000
	+ Khu vực còn lại	25.000
-	Đối với tổ chức	50.000
4.3	Cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung giấy chứng nhận chỉ chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	
-	Đối với hộ gia đình, cá nhân:	
	+ Khu vực thị trấn, các phường.	30.000
	+ Khu vực còn lại	15.000
-	Đối với tổ chức	50.000
5	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai sau khi cấp giấy chứng nhận	(đồng/1 lần)
5.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	- Khu vực thị trấn, các phường	28.000
	- Khu vực còn lại	14.000
5.2	Đối với tổ chức	30.000
6	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	(đồng/1 lần)
6.1	Đối với hộ gia đình, cá nhân	
	- Khu vực thị trấn, các phường	15.000
	- Khu vực còn lại	10.000
6.2	Đối với tổ chức	30.000

3.4. Lệ phí hộ tịch, mức thu bằng 80% so với mức thu phí trực tiếp.

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/ trường hợp)
I	Đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã	
1	Khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	4.000
2	Khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử):	4.000
2	Kết hôn (đăng ký lại kết hôn)	16.000
4	Nhận cha, mẹ, con	8.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	8.000
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	8.000

7	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	4.000
II	Đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện	
1	Khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	60.000
2	Khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	60.000
3	Kết hôn (đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	1.200.000
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	60.000
5	Nhận cha, mẹ, con	1.200.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước	22.000
7	Xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	22.000
8	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; đăng ký hộ tịch khác	60.000

3.5. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh Sóc Trăng, mức thu bằng 90% so với mức thu phí trực tiếp.

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/ trường hợp)
1	Cấp mới giấy phép lao động	540.000
2	Cấp lại giấy phép lao động Cấp lại giấy phép lao động	405.000
3	Gia hạn giấy phép lao động: Gia hạn giấy phép lao động	270.000

3.6. Lệ phí cấp giấy phép xây dựng, mức thu bằng 90% so với mức thu phí trực tiếp.

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/ trường hợp)
1	Đối với nhà ở riêng lẻ	40.000
2	Đối với công trình khác Đối với công trình khác	80.000
3	Trường hợp gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng	8.000

3.7. Lệ phí đăng ký kinh doanh khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến, mức thu được miễn thu.

Hợp tác xã, hộ kinh doanh, Quỹ tín dụng nhân dân, liên hiệp hợp tác xã được miễn lệ phí đăng ký đối với hồ sơ thành lập và đăng ký thay đổi khi thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến.

Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định mức thu phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định mức thu phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

(Phụ lục so sánh đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết, Nghị quyết này sẽ được triển khai đến các đơn vị và địa phương.

B. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định mức thu phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

(Chi tiết theo 07 phụ lục đính kèm).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Thời gian dự kiến trình thông qua nghị quyết:

Tại kỳ họp cuối năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

4. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo:

Từ chức năng, nhiệm vụ quản lý hành chính, sự nghiệp theo sự phân công, phân cấp của cấp thẩm quyền.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, trường hợp miễn, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính;
- Lưu: NC, LT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**